



ẢNH HƯỞNG CỦA TRUYỆN KỂ THỜI THƠ ẤU ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÍNH KIÊN CƯỜNG CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC

NGUYỄN THỊ HIỀN - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Email: katepsyedu@gmail.com

NILE STANLEY - Đại học North Florida - Hoa Kỳ

Email: nstanley@unf.edu

Tóm tắt: Thông qua việc tìm hiểu sự đồng nhất và khác biệt có ý nghĩa thống kê về trải nghiệm tuổi thơ với truyện kể cùng những ảnh hưởng của nó đến tính kiên cường của sinh viên sư phạm đến từ bốn quốc gia: Việt Nam, Trung Quốc, Đức và Mỹ, bài viết chỉ ra những yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến việc sử dụng truyện kể trong dạy học, giáo dục và cuộc sống hàng ngày của sinh viên: Đồng thời, bài viết phân tích một số yếu tố nhằm nâng cao ý thức, nhận thức của sinh viên sư phạm, các nhà sư phạm, các nhà nghiên cứu và phụ huynh về vai trò của truyện kể - với tư cách là một trong những phương tiện hữu ích góp phần hình thành tính kiên cường cho cá nhân.

Từ khóa: Truyện kể thời thơ ấu; tính kiên cường; sinh viên; đại học.

(Nhận bài ngày 01/3/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 01/4/2016; Duyệt đăng ngày 27/7/2016).

1. Đặt vấn đề

Nhiều kết quả nghiên cứu định tính cho thấy những lợi ích và tiềm năng mà truyện kể đem lại đối với sự hình thành, phát triển cá nhân nói chung và sự hình thành, phát triển giá trị, tính kiên cường của cá nhân nói riêng. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích định lượng để tìm hiểu sự đồng nhất và khác biệt có ý nghĩa thống kê về trải nghiệm tuổi thơ với truyện kể cùng những ảnh hưởng của nó đến tính kiên cường của sinh viên (SV) sư phạm đến từ Việt Nam, Trung Quốc, Đức và Mỹ. Trên cơ sở đó, phát hiện những yếu tố văn hóa có ảnh hưởng đến việc sử dụng truyện kể trong dạy học, giáo dục và cuộc sống hàng ngày của SV. Bài viết cũng phân tích một số nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt và tương đồng nhằm nâng cao năng cao ý thức, nhận thức của SV sư phạm, các nhà sư phạm, các nhà nghiên cứu và phụ huynh về vai trò của truyện kể - một trong những phương tiện quan trọng góp phần hình thành tính kiên cường cho cá nhân.

2. Mối quan hệ của truyện kể thời thơ ấu đối với sự hình thành và phát triển tính kiên cường

Truyện kể là thuật ngữ chỉ sự tương tác giữa người kể chuyện và người nghe, trong đó sử dụng lời nói, hành động, cử chỉ, điệu bộ và hình ảnh để diễn đạt, bộc lộ nội dung, ý nghĩa của một hay một số câu chuyện. Các thể loại truyện được kể bao gồm: Truyện về tiểu sử nhân vật có thật hay nhân vật huyền thoại, truyện cá nhân - truyện kể lại các sự kiện diễn ra trong cuộc sống của cá nhân hay tập thể, truyện dân gian, các tác phẩm văn học, truyện tôn giáo, truyện pha hợp,...

Tính kiên cường (ý chí kiên cường) là khả năng chịu đựng, ứng phó với những căng thẳng, khó khăn và khả năng hồi phục tinh thần sau những sang chấn tâm lý xảy

ra trong đời sống cá nhân. Tính kiên cường đóng vai trò quan trọng trong việc giúp tăng cường bảo vệ sức khỏe tinh thần trước những tác động tiêu cực và những căng thẳng, khó khăn, thách thức mà cá nhân phải đối mặt trong cuộc sống.

Truyện kể là một trong những yếu tố góp phần bồi dưỡng, tăng cường, phát triển tính kiên cường của cá nhân thông qua những bài học, kinh nghiệm tiếp thu được giúp cá nhân hồi phục tinh thần sau khi phải đối mặt với những khó khăn và sang chấn tâm lý xảy ra trong cuộc sống. Chúng tôi đã tìm hiểu sự tác động/ ảnh hưởng của truyện kể đến tính kiên cường của những SV đến từ nhiều quốc gia khác nhau và cùng học tiếng Trung tại Trung Quốc [1]. Kết quả đã khẳng định truyện kể góp phần nâng cao hiệu quả học tập, xây dựng mối quan hệ và sự hiểu biết về văn hóa, xã hội, sự hiểu biết lẫn nhau giữa những SV này. Truyện kể giữ vị trí quan trọng trong việc giúp họ vượt qua những thử thách, khó khăn, những căng thẳng và xung đột tâm lý khi học tập ở nước ngoài.

Trong các nghiên cứu so sánh giữa văn hóa phương Đông và phương Tây, một trong những điểm khác biệt văn hóa được nhiều tác giả đề cập đến là sự khác biệt giữa quan điểm của người phương Đông *đề cao lợi ích chung của cộng đồng, của nhóm...* và quan điểm của người phương Tây *đề cao tính cá nhân, tự do cá nhân, trách nhiệm cá nhân...* [2]. Tuy nhiên, nghiên cứu so sánh liên văn hóa (Cross-cultural) về sự *trải nghiệm với truyện kể*, với hướng tiếp cận phân tích định lượng, đặc biệt với mẫu nghiệm thể là người Việt còn hạn chế. Ngoài ra, các công trình nghiên cứu trước đây về mối quan hệ giữa *truyện kể và tính kiên cường* đã được nhiều nhà nghiên

cứu phương Tây đặc biệt quan tâm, nên các mẫu nghiệm thể tập trung nhiều ở người nói tiếng Anh; ở phương Đông, trong đó có Việt Nam, các nghiên cứu về vấn đề này còn mờ nhạt.

3. Ảnh hưởng của truyện kể thời thơ ấu đến sự hình thành và phát triển tính kiên cường của sinh viên đại học

3.1. Mẫu nghiên cứu

Tiêu chí chọn mẫu: Chọn ngẫu nhiên, gồm các nhóm SV (năm thứ nhất và thứ hai) của các trường đại học sư phạm. Nghiệm thể nghiên cứu: 996 SV ở 4 nước: Mĩ, Đức, Việt Nam và Trung Quốc; trong đó, chiếm đa số (81%) là nữ, tuổi từ 18-25.

3.2. Công cụ đo: Nhận thức của sinh viên đại học về truyện kể (APCES)

Công cụ đo APCES gồm 17 câu hỏi với mục đích tìm hiểu nhận thức của SV về trải nghiệm tuổi thơ với truyện kể ở 3 thông số tần suất, thể loại, tác động và tìm hiểu sự ảnh hưởng của những kí ức với truyện kể thời thơ ấu đến cuộc sống hiện tại. *Tần suất và thể loại* có vai trò tìm hiểu sự trải nghiệm của cá nhân với truyện kể thời thơ ấu, *tác động* tìm hiểu sự ảnh hưởng/ tác động của truyện kể thời thơ ấu đến việc nâng cao tính kiên cường của cá nhân ở tuổi trưởng thành và quan điểm của họ về vai trò, giá trị của truyện kể đối với cuộc sống. Các câu hỏi trên sử dụng thang đo Likert - type 5 mức độ. Hệ số Cronbach alpha của công cụ đo trong nghiên cứu này được kiểm tra và đạt mức chấp nhận được, cụ thể trên các mẫu nghiệm thể lần lượt như sau: Mĩ = 0,88; Đức = 0,86; Trung Quốc = 0,84; Việt Nam = 0,81. Kết quả kiểm tra độ tin cậy của công cụ đo được thể hiện trong Bảng 1.

3.3. Thu thập số liệu và phân tích số liệu

Thu thập số liệu: Bảng câu hỏi được biên soạn bằng tiếng Anh, sau đó được dịch sang tiếng Trung Quốc, tiếng Việt và tiếng Đức để phù hợp với ngôn ngữ thứ nhất của từng nhóm nghiệm thể. Quá trình thu thập số liệu được thực hiện dựa vào phần mềm trực tuyến Qualtrics được tiến hành theo hai bước: *Bước 1:* Thư mời tham gia cuộc điều tra được gửi đến địa chỉ email của SV đến từ các trường sư phạm của 4 nước; *Bước 2:* Nếu nghiệm thể đồng ý tham gia, họ sẽ cung cấp những thông tin cá nhân, sau đó, một email khác tự động được chuyển đến để họ tiếp tục hoàn thành phiếu trả lời trực tuyến.

Phân tích số liệu: Phân tích số liệu trên phần mềm SPSS; Test One way ANOVA (Post Hoc Multiple Comparisons) được sử dụng với 14 câu hỏi chỉ ra cụ thể sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa cặp giá trị trung bình

nào giữa các nhóm nghiệm thể. Các câu hỏi về truyện kể là các biến độc lập, nhóm văn hóa (nhóm nghiệm thể) là biến phụ thuộc. Sự khác biệt thể hiện ở giá trị sig $\leq 0,05$. Tiếp theo, hệ số ảnh hưởng được kiểm tra. Z test được thực hiện trên tổng các mẫu nghiệm thể ở 3 câu hỏi cuối cùng.

3.4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích test ANOVA trên 14 câu hỏi cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm với hệ số $F(3,1058) = 40.55, p < 0.001, \eta^2 = 0.10$; hệ số ảnh hưởng ở mức vừa phải. Sự khác biệt ở giữa các nhóm

Bảng 1: Điểm trung bình và độ lệch chuẩn của các nhóm nghiệm thể

	Mĩ (n=153)		Đức (n=163)		Trung Quốc (n=324)		Việt Nam (n=356)	
Thang đo	M	SD	M	SD	M	SD	M	SD
Truyện kể								
Tổng	3,20 ^{1,2}	0,64	3,06 ²	0,56	2,67 ^{1,3,4}	0,54	2,95 ^{2,4}	0,54
Tần suất	3,41 ^{1,2}	0,72	3,43 ^{1,2}	0,66	2,78 ^{1,3,4}	0,63	2,95 ^{2,3,4}	0,67
Thể loại	3,10 ^{1,2}	0,71	2,96 ²	0,67	2,54 ^{1,3,4}	0,62	2,89 ^{2,4}	0,61
Tác động	3,02 ^{2,3}	0,74	2,70 ^{1,4}	0,72	2,62 ^{1,4}	0,68	3,06 ^{2,3}	0,93

(Lưu ý: M= Giá trị trung bình; SD= Độ lệch Chuẩn. Sự khác biệt sử dụng pairwise ($p < 0,001$) được mô tả như sau: ¹- sự khác biệt ở nhóm Việt Nam, ²- sự khác biệt ở nhóm Trung Quốc, ³- sự khác biệt ở nhóm Đức, ⁴- sự khác biệt ở nhóm Mĩ, ⁰- sự khác biệt không đáng kể).

Bảng 2: Hệ số trung bình và kết quả phân tích Anova nhận thức của SV đại học về truyện kể thời thơ ấu theo các nhóm nghiệm thể

Câu hỏi	Mĩ (n = 153)	Đức (n = 163)	Trung Quốc (n = 324)	Việt Nam (n = 356)
1	3.64 ^{2,3} (0,1)	3.98 ^{1,2,4} (0,87)	2.84 ^{1,3,4} (0,1)	3.54 ^{2,3} (1,19)
2	3.28 ^{2,3} (.83)	2.90 ^{1,4} (.86)	2.89 ^{1,4} (.77)	2 ³ (.95)
3	3.55 ^{1,2,3} (1.00)	3.70 ^{1,2,4} (1.00)	2.67 ^{1,3,4} (1.12)	3.17 ^{2,3,4} (1.24)
4	3.03 (1.12)	3.28 ² (1.32)	2.76 ^{1,3} (1.02)	3.22 ² (1.51)
5	3.78 ^{1,2} (1.12)	4.10 ^{1,2} (.88)	2.76 ^{3,4} (1.02)	2.67 ^{3,4} (1.12)
6	2.66 ^{1,4} (.88)	2.72 ^{1,4} (1.02)	3.27 ^{1,2,3} (.95)	1.82 ^{2,3,4} (.89)
7	3.67 ^{1,2,3} (1.03)	3.22 ⁴ (.94)	3.03 ^{1,4} (.96)	3.31 ^{2,4} (.98)
8	2.84 ^{1,3} (.96)	3.39 ^{2,4} (.92)	2.92 ^{1,3} (.89)	3.46 ^{2,4} (1.03)
9	3.01 ^{1,2} (.95)	3.11 ^{1,2} (1.06)	2.44 ^{3,4} (.95)	2.62 ^{3,4} (.99)
10	3.14 ^{1,2,3} (1.21)	2.71 ^{1,2,4} (1.05)	1.97 ^{3,4} (.88)	1.86 ^{3,4} (.84)
11	2.88 ^{2,3} (1.09)	2.38 ^{1,4} (1.12)	2.26 ^{1,4} (.94)	3.10 ^{2,3} (1.07)
12	3.39 ^{1,2} (1.09)	3.63 ^{1,2} (1.05)	2.63 ^{1,3,4} (1.11)	3.05 ^{2,3,4} (1.24)
13	2.99 ³ (.94)	2.63 (1.08) ^{1,2,4}	3.01 ³ (.95)	2.89 ³ (.99)
14	2.71 ^{1,3} (1.00)	2.13 ^{1,2,4} (.84)	2.59 ^{1,3} (1.01)	2.95 ^{2,3,4} (1.04)

(Lưu ý: Kết quả test ANOVA về mức độ quan trọng đối với từng nhóm câu hỏi. Độ lệch chuẩn được trình bày trong phần ngoặc đơn. Tỷ lệ quan trọng được tính theo thang điểm từ 1 đến 5, trong đó, 1 = không bao giờ hoặc không nhớ, 5 = luôn luôn. Sự khác biệt từ phân tích dữ liệu Pairwise ($p < 0,001$) được tính như sau: ¹- sự khác biệt ở nhóm Việt Nam, ²- sự khác biệt ở nhóm Trung Quốc, ³- sự khác biệt ở nhóm Đức, ⁴- sự khác biệt ở nhóm Mĩ, ⁰- sự khác biệt không đáng kể ($p < 0,001$)).



cụ thể là: So với SV Việt Nam và Trung Quốc, SV Mĩ, Đức có sự trải nghiệm với truyện kể thời thơ ấu với tần suất nhiều hơn, mức độ thường xuyên hơn, thời lượng nhiều hơn, các thể loại truyện kể đa dạng, phong phú hơn,... Kết quả phân tích thống kê của các nhóm nghiệm thể câu hỏi tần suất và thể loại truyện kể được trình bày trong Bảng 2.

Về sự ảnh hưởng của truyện kể: Hầu hết các nhóm SV đến từ 4 nước đều cho rằng những kí ức tuổi thơ với truyện kể có ảnh hưởng tích cực đến ý chí kiên cường của họ ở tuổi trưởng thành. Tuy nhiên, phân tích ANOVA (câu 12 -14) cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm nghiệm thể, cụ thể: Điểm số về mức độ ảnh hưởng của truyện kể đối với tính kiên cường ở SV Việt Nam ($M = 2.95$, $SD = 1.04$) cao hơn ở SV ở Mĩ ($M = 2.71$, $SD = 1.00$), Đức ($M = 2.13$, $SD = 0.84$), Trung Quốc ($M = 2.59$, $SD = 1.01$). Các câu 15, 16, 17 (Bảng 3) là chuỗi phân tích cuối cùng được kiểm tra bằng test Z để tìm hiểu người kể chuyện thường xuyên nhất trong gia đình và quan điểm của các nghiệm thể về việc lựa chọn nội dung truyện kể.

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy mẹ và giáo viên là hai đối tượng mà tất cả các nhóm nghiệm thể đều cho rằng họ thường có thời gian trải nghiệm truyện kể cùng nhiều nhất. Tuy nhiên, tỉ lệ phần trăm ở các nhóm Mĩ và Đức cao hơn Trung Quốc và Việt Nam. Ở hai câu hỏi cuối cùng (16, 17), sự khác biệt giữa các nhóm nghiệm thể là không đáng kể, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm ($p < 0.01$). Điều thú vị là với quan điểm cho rằng truyện nên chứa đựng nội dung giải trí và thư giãn có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0.01$) giữa các nhóm nghiệm thể, cụ thể SV Mĩ (61%) và Đức (90%) lựa chọn nhiều hơn hẳn so với SV Trung Quốc (28%) và SV Việt Nam (40%).

Nghiên cứu này được thực hiện trên các mẫu nghiệm thể là SV sư phạm đến từ Mĩ, Đức, Việt Nam. Từ đó, những đặc trưng về văn hóa, xã hội... đã có tác động đến nhận thức, quan điểm và cách thức sử dụng truyện kể của các cá nhân đến từ những nền văn hóa khác nhau. Sau đây, chúng tôi phân tích một vài nguyên nhân lí giải cho sự khác biệt trên:

Sự khác biệt văn hóa giữa phương Đông và phương Tây dẫn đến những khác biệt trong quá trình dạy học và giáo dục ở mỗi nền văn hóa. Chẳng hạn: Ở Việt Nam và Trung Quốc, dạy học thường hướng người học vào việc tuân thủ cái chung, đặt lợi ích nhóm cao hơn lợi ích cá nhân... nên cách tiếp cận trong dạy học là giáo viên làm trung tâm thường chiếm ưu thế. Ngược lại, dạy học ở các nước phương Tây như Đức, Mĩ,... học sinh làm trung tâm lại được chú trọng. Sự khác biệt này ảnh hưởng đến sự khác biệt trong cách tiếp cận và sử dụng truyện kể (lựa chọn thể loại truyện kể, mức độ ảnh hưởng của truyện kể đến tính kiên cường của các nhóm nghiệm thể đến từ các nền văn hóa khác nhau...).

Tốc độ phát triển kinh tế, xã hội, công nghệ thông tin... ở các nước đang phát triển như Trung Quốc, Việt

Bảng 3: Tỉ lệ phần trăm và các kết quả kiểm định test Z về truyện kể ở các nhóm nghiệm thể

Câu hỏi	Mĩ (n = 153)	Đức (n = 163)	Trung Quốc (n = 324)	Việt Nam (n = 356)
15. Người kể chuyện trong gia đình				
Mẹ	78% ^{1,2}	88% ^{1,2}	43% ^{3,4}	52% ^{1,3}
Bố	59% ^{1,2}	58% ^{1,2}	28% ^{3,4}	32% ^{3,4}
Ông bà	65% ²	68% ²	43% ^{3,4}	51%
Anh chị em	29%	20%	15%	24%
Giáo viên	69% ^{1,2,3}	44% ⁴	31% ⁴	42% ⁴
Người khác	18%	27%	18%	19%
16. Loại truyện được nghe kể				
Không để cập hay không nhớ				
	7% ¹	5% ¹	18%	36% ^{3,4}
Hư cấu: Dân gian, truyền thuyết, truyện ma				
	47% ¹	30%	33%	25% ⁴
Không hư cấu: Tiểu sử, thực tế, khoa học, thể thao				
	5% ^{1,2}	2% ^{1,2}	15% ^{3,4}	13% ^{3,4}
Tôn giáo, ngụ ngôn, các câu chuyện đạo đức				
	9%	10%	7%	13%
Tất cả các loại truyện (pha hợp)				
	32% ^{1,3}	53% ^{1,4}	27%	12% ⁴
17. Nội dung truyện kể lựa chọn				
Chứa đựng một bài học cuộc sống hay bài học đạo đức				
	77%	61%	72%	69%
Giúp trẻ nhớ về những người quan trọng trong cuộc sống				
	54% ^{2,3}	31% ⁴	33% ⁴	34%
Giải trí, thư giãn				
	61% ^{1,2,3}	90% ^{1,2,4}	28% ^{1,3,4}	40% ^{3,4}
Dạy trẻ về tầm quan trọng của thực tế cuộc sống và những bài học giúp việc học tập ở trường tốt hơn				
	35% ²	22% ¹	12% ⁴	43% ^{2,3}

Lưu ý: Mức ý nghĩa thống kê dựa trên kiểm định test Z. Độ lệch chuẩn được trình bày trong phần ngoặc đơn. Tỉ lệ quan trọng được tính theo thang từ 1 đến 5, trong đó, 1 = không bao giờ hoặc không nhớ, 5 = luôn luôn. Lưu ý: Sự khác biệt Pairwise ($p < 0,001$) ghi nhận như sau: ¹- sự khác biệt ở nhóm Việt Nam, ²- sự khác biệt ở nhóm Trung Quốc, ³- sự khác biệt ở nhóm Đức, ⁴- sự khác biệt ở nhóm Mĩ, ⁰- sự khác biệt không đáng kể ($p < 0,001$).

Nam đã tác động và làm thay đổi nhiều mặt trong đời sống của các gia đình, trong đó ảnh hưởng đến thời gian phụ huynh dành cho con cái và những câu chuyện kể giữa các thành viên trong gia đình trở nên ít hơn. Mặt khác, nhiều phụ huynh (Việt Nam, Trung Quốc) cho rằng truyện kể thường dành cho trẻ em ở lứa tuổi nhỏ như mẫu giáo, tiểu học,... Ở các lứa tuổi lớn hơn, trẻ nên tự

học, cha mẹ không cần cùng trải nghiệm truyện kể... Bên cạnh đó, áp lực thi cử và thành tích học tập còn rất nặng nề... Đây có thể là một trong những nguyên nhân khiến SV phương Đông quan tâm nhiều hơn đến những truyện kể chứa đựng những bài học nhằm góp phần nâng cao thành tích học tập ở trường. SV phương Tây lại thích trải nghiệm với những loại truyện kể chứa đựng những bài học cuộc sống hay thư giãn... Ngoài ra, tình trạng li hôn cũng là nhân tố đầu tiên trong nhiều nguyên nhân làm giảm truyện kể trong các gia đình ngày nay.

Từ đó, chúng tôi có một số ý kiến đề xuất sau: Truyện kể góp phần giúp cả nhân ứng phó với những xung đột về tinh thần có thể xảy ra trong đời sống. Việc nâng cao nhận thức của các bậc phụ huynh, các nhà sư phạm, trong đó có SV sư phạm, các nhà nghiên cứu về vai trò, tầm quan trọng của truyện kể trong dạy học và giáo dục nhân cách con người là yêu cầu quan trọng hiện nay.

Trong các gia đình, các bậc phụ huynh nên ưu tiên thời gian cho truyện kể cùng con cái, chia sẻ những câu chuyện xảy ra hàng ngày trong cuộc sống.... sử dụng nó như một phương tiện gắn kết các thành viên gia đình, giúp trẻ học tập và vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

Trong dạy học, truyện kể luôn là một phương tiện làm cho bài học trở nên sinh động, hấp dẫn, giảm căng thẳng đối với người học. Vì vậy, giáo viên cần sử dụng truyện kể trong bài giảng của mình - thiết kế mỗi bài học trở thành một câu chuyện thú vị, hấp dẫn, gây cho học sinh sự tò mò, thích khám phá,... T

Trong nghiên cứu khoa học, cần có những nghiên cứu sâu hơn, kết hợp những phương pháp nghiên cứu đa dạng: Phương pháp phỏng vấn, quan sát, nghiên cứu

trường hợp – case study... nhằm đưa truyện kể vào giáo dục, giảng dạy hiệu quả.

4. Kết luận

Các công trình nghiên cứu tâm lý học đã khẳng định tầm quan trọng của truyện kể trong cuộc sống của con người. Ở các nước phương Tây, công nghệ thông tin, công nghệ số hóa đã không làm truyện kể bị "lũ mờ", ngược lại nó làm tăng tính ứng dụng/ tiện ích của truyện kể - một phương tiện hữu hiệu trong cuộc sống con người. Tại các quốc gia đang phát triển mạnh ở châu Á như Việt Nam, truyện kể đang có "nguy cơ" bị thay thế bởi "công nghệ số hóa"... Việc nâng cao nhận thức của mỗi cá nhân về vai trò của truyện kể và nghiên cứu những phương pháp, giải pháp để gìn giữ, phát huy, ứng dụng truyện kể theo một diện mạo mới phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, đặc biệt là đối với các bậc phụ huynh, các nhà nghiên cứu, các nhà sư phạm và sinh viên các trường sư phạm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thị Hiền - Stanley, L. – Wang, Y. (2015), *Resilience in language learners and the relationship to storytelling*, Cogent Education, 2,1-16.
- [2]. Hofstede, G., (1991), *Cultures and organizations: Software of the mind*, London: McGraw-Hill.
- [3]. Duke, M. L., Lazarus, A., & Fivush, R., (2008), *Knowledge of family history as a clinically useful index of psychological well-being and prognosis: A brief report*, Psychotherapy Theory, Research, Practice, Training, 45, 268–272.
- [4]. Nisbett, R. E., Peng, K., Choi, I., & Norenzayan, A., (2001), *Culture and systems of thought: Holistic versus analytic cognition*, Psychological Review, 108, 291–310.

IMPACT OF STORYTELLING IN CHILDHOOD ON FORMING AND DEVELOPING STUDENTS' RESILIENCE

Nguyen Thi Hien - *The Vietnam Institute of Educational Sciences*
Email: katepsyedu@gmail.com

Nile Stanley - *University of North Florida -United States*
Email: nstanley@unf.edu

Abstract: *Basing on the statistic unity and differences in childhood experiences with storytelling and its effects to the resilience of pedagogical students from four countries: Vietnam, China, Germany and the US, the article points out cultural factors with influence to the use of storytelling in teaching, education and students daily life. The authors also analyse factors to raise awareness of pedagogical students, educators, researchers and parents about the role of storytelling as one of the useful means that contributes to forming personal resilience.*

Keywords: *Childhood storytelling; resilience; students; universities.*